

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2401/QĐ-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Quyết định số 1891/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch và phân công thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Căn cứ Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4146/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4702/QĐ-BNN-CĐS ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục trưởng Cục Chuyển đổi số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BCĐ của Chính phủ về phát triển KHCN, ĐMST, CĐS và Đề án 06 (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC, CĐS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quý Kiên

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày /7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Luật An ninh mạng;
- Luật Giao dịch điện tử;
- Luật Dữ liệu;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về việc Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

- Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

- Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030";

- Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Ban hành Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0;

- Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hoàn thiện Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành nông nghiệp và môi trường, cung cấp dịch vụ số nhanh chóng, thuận tiện, an toàn; thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước minh bạch thông qua môi trường số; sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích, xử lý thông minh dữ liệu tổng hợp, đa ngành để đưa ra chính sách chính xác, kịp thời; cung cấp dữ liệu mở ngành nông nghiệp và môi trường; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Nâng bậc xếp hạng Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) và góp phần nâng xếp hạng bộ chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của Bộ năm 2025.

- 100% quy trình thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được đồng bộ, thống nhất trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100%.

- Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu số đạt 100%.

- Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của bộ đạt 100%.

- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy) đạt 100%.

- Tỷ lệ thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc của các bộ theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia đạt 100%.

- Tỷ lệ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của bộ được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa 02 hệ thống đạt 100%.

- Đến hết năm 2025, 85% hồ sơ dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp được xử lý trực tuyến toàn trình đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn đạt 100%.

- Mức độ hài lòng tiếp nhận, giải trong quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của Bộ đạt 100%.

- 100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê của Bộ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 85% cuộc họp trên môi trường trực tuyến, sử dụng tài liệu điện tử thay thế cho tài liệu giấy.

- 100% công chức được trang bị chữ ký số, định danh xác thực một lần trên các hệ thống của Bộ.

- 50% hoạt động kiểm tra của Bộ được thực hiện thông qua môi trường số và hệ

thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 60% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- 100% các hệ thống thông tin của Bộ được phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; 100% máy chủ, máy trạm của Bộ được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; 100% hệ thống thông tin cấp độ 3, 4, 5 được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; 100% các đơn vị trực thuộc Bộ có bộ phận chuyên trách/cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác chuyển đổi số.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2025, xác định nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng, hoàn thiện quy định kỹ thuật thống nhất về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện quy định về thu thập, lưu trữ, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu số; tạo lập hành lang pháp lý để phát triển dịch vụ nội dung số về nông nghiệp và môi trường.

- Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ số ngành nông nghiệp và môi trường phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục duy trì, vận hành hạ tầng số dung chung tại Bộ, cung cấp tài nguyên lưu trữ, tính toán, xử lý cho các đơn vị thuộc Bộ, hỗ trợ các Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Triển khai nền tảng kết nối mạng lưới thiết bị IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số để thiết lập nền tảng số thu nhận dữ liệu nông nghiệp và môi trường toàn quốc.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng dùng chung cho các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số của bộ, ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống lưu trữ điện tử chuyên ngành nông nghiệp và môi trường.

4. Nhân lực số

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

- Tổ chức đào tạo đội ngũ chuyên gia phục vụ chuyển đổi số tại Bộ Nông nghiệp và môi trường.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến, diễn tập về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, bảo vệ hạ tầng dữ liệu.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, kết nối, chia sẻ sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, công tác chuyên môn, nghiệp vụ, giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất trên cơ sở dữ liệu của các địa phương và hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu, bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin cho quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- Xây dựng, triển khai giải pháp, nền tảng công nghệ quản lý dữ liệu lớn (big data, data lake) dùng chung, hình thành kho dữ liệu nông nghiệp và môi trường làm cơ sở tổng hợp, phân tích, xử lý và ứng dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (machine learning).

- Tiếp tục chuẩn hóa, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bản hành chính, cơ sở dữ liệu nội bộ, ứng dụng triển khai công nghệ khai phá, xử lý văn bản đáp ứng nhu cầu chỉ đạo, điều hành, thực hiện công tác hành chính.

6. Nền tảng số

Tiếp tục hoàn thiện, phát triển các hệ thống nền tảng dùng chung cho các ứng dụng, dịch vụ phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường.

7. An toàn thông tin mạng

- Giám sát an toàn thông tin cho toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và các Trung tâm dữ liệu của Bộ; phát hiện và xử lý kịp thời các lỗ hổng, nguy cơ mất an toàn và các cuộc tấn công mạng, không để xảy ra các sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.

- Thường xuyên kết nối, chia sẻ dữ liệu về mã độc, giám sát với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia (NCSC).

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh và bảo mật thông tin đối với các hệ thống thông tin của Bộ; đối với các hệ thống thông tin quan trọng, để bảo

đảm an toàn thông tin theo 4 lớp, phải được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin do đơn vị độc lập thực hiện.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật bảo đảm toàn bộ máy chủ và máy trạm của Bộ được cài đặt các phần mềm phòng chống phần mềm độc hại; tổ chức khắc phục điểm yếu, gỡ bỏ mã độc cho các máy chủ tại các Trung tâm Dữ liệu và máy tính cá nhân tại các đơn vị thuộc khối cơ quan Bộ.

- Tổ chức diễn tập bảo đảm an toàn thông tin mạng và ứng cứu sự cố cho các hệ thống thông tin của Bộ.

8. Chính phủ số

- Hoàn thiện, đổi mới quy định, chuẩn hoá, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính; quy trình hành chính nội bộ; cải cách hành chính; kiện toàn tổ chức, bộ máy tinh gọn, hiệu quả; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; nâng cao trình độ công nghệ, đào tạo kỹ năng số, phát triển nguồn nhân lực... trong chuyển đổi số, trên môi trường số.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Chính phủ số, nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch, phục vụ và làm hài lòng người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển, vận hành các hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, các ứng dụng, dịch vụ phục vụ nội bộ, chuyên ngành sử dụng công nghệ phân tích, xử lý thông minh trên các nền tảng số phục vụ công tác hoạch định chính sách, quản lý, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị trong ngành và cung cấp dịch vụ thuận tiện, an toàn, nhanh chóng cho người dân và doanh nghiệp.

- Hoàn thành triển khai các nhiệm vụ của Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

- Đưa vào vận hành, khai thác hiệu quả hệ thống điều hành thông minh (IOC) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết nối với Trung tâm Thông tin, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

9. Kinh tế số và xã hội số

- Tổ chức xây dựng, triển khai, đánh giá các nền tảng dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nội dung số, hệ sinh thái số, truy xuất nguồn gốc nông nghiệp, nông thôn số, nông dân số, phát triển kinh tế số, xã hội số ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên các nền tảng số, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về nông nghiệp và môi trường.

10. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Thực hiện Kế hoạch triển khai Ngày Chuyển đổi số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tế, thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức số.

- Xây dựng kênh thông tin để công bố các bài toán lớn về chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường để tiếp nhận sáng kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong, ngoài nước để giải quyết các bài toán.

- Tiếp tục tuyên truyền, tham gia vào các kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác, hoạt động chuyển đổi số của Bộ, ngành nông nghiệp và môi trường.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (mạng xã hội, hội thảo, diễn đàn...) và khuyến khích chia sẻ sáng kiến, cách làm hay trong công tác chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường, gắn kết chặt chẽ công tác chuyển đổi số với cải cách hành chính; nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ, nhất là thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc triển khai chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch nhằm đạt mục tiêu đề ra của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động và người dân, doanh nghiệp

- Quán triệt, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, gắn với các chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Đổi mới toàn diện phương thức hoạt động, xây dựng văn hóa làm việc phù hợp với quá trình phát triển Chính phủ số.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trong vận hành Chính phủ số, chuyển đổi số. Ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần thay đổi phương thức người dân tương tác với cơ quan nhà nước, hình thành văn hóa số cho người dân.

- Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Đề xuất các chính sách ưu tiên thiết thực trong thu hút, ưu đãi, bố trí, đào tạo, sử dụng nhân lực, cán bộ kỹ thuật về chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước để thu hút chuyên gia, nguồn lực phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc.

- Hợp tác với các đối tác phát triển trong ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới

trong thu nhận, quản trị, phân tích xử lý, khoa học dữ liệu, phát triển Chính phủ số ngành nông nghiệp và môi trường.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Ưu tiên bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định để đảm bảo công tác chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Huy động sự tham gia của cộng đồng, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia ứng dụng công nghệ mới triển khai, khai thác các nền tảng và cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường phục vụ phát triển hệ sinh thái Chính phủ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin bằng các chương trình đào tạo cụ thể, gắn với việc trực tiếp phát triển và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ.

- Tăng cường hợp tác chuyển giao công nghệ, chú trọng tiếp nhận và phát triển các công nghệ mới, tiên tiến.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ

- Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo chuyển đổi số, công tác an toàn thông tin, bảo đảm an ninh mạng, tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả các dự án được giao trong phạm vi quản lý.

- Bố trí, phân công nhân lực công nghệ thông tin phù hợp bảo đảm chất lượng hiệu quả trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ và gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính trong từng cơ quan, đơn vị.

- Báo cáo định kỳ 06 tháng và đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch theo theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ.

2. Văn phòng Bộ

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cải tiến, chuẩn hóa và áp dụng các quy trình hành chính nội bộ trên môi trường số, có trách nhiệm thúc đẩy trong việc ứng dụng các hệ thống phục vụ quản lý hành chính nhà nước.

- Duy trì, cập nhật thông tin thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử, các hệ thống tác nghiệp của Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Vụ Tổ chức cán bộ

- Gắn công tác cải cách hành chính với chuyển đổi số của các đơn vị thuộc Bộ.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất về tổ chức, chế độ đãi ngộ đãi ngộ đặc thù cho đội ngũ công chức, viên chức về chuyển đổi số.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan ưu tiên xem xét các dự án, nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, thẩm định trình Bộ phê duyệt các dự án, nhiệm vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định.

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này và các nhiệm vụ đột xuất giao cho Bộ.

- Chủ trì, thẩm định bố trí kinh phí cho các dự án, nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số của các đơn vị theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

5. Vụ Pháp chế

Chủ trì, hướng dẫn việc xây dựng, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật để tạo điều kiện, thúc đẩy triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số tiến tới Chính phủ số.

6. Vụ Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, thực hiện đổi mới xây dựng quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng triệt để kỹ thuật số, lấy dữ liệu làm trung tâm, thu thập dữ liệu số tại nguồn đối với công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, quan trắc... ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy việc áp dụng thành quả nghiên cứu khoa học về chuyển đổi số; tiếp tục đẩy mạnh và ưu tiên các nghiên cứu về ứng dụng công nghệ trong chuyển đổi số và chính phủ điện tử ngành nông nghiệp và môi trường.

7. Cục Chuyển đổi số

- Chịu trách nhiệm tham mưu về kỹ thuật để triển khai Kế hoạch, đôn đốc các đơn vị thực hiện Kế hoạch bảo đảm tiến độ, mục tiêu, hiệu quả; tổng hợp tình hình báo cáo Bộ theo chế độ quy định.

- Hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ trong xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt và thực hiện các dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch; tham gia thẩm định, kiểm tra và nghiệm thu dự án, nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số trong Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, tổng hợp, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch, báo cáo Bộ trưởng để xem xét, phê duyệt.

- Duy trì, bảo đảm an ninh, hoạt động an toàn, thông suốt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số của Bộ.

- Hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp hạ tầng, hướng dẫn, thẩm định chuyên môn kỹ thuật, định hướng giải pháp công nghệ trong chuyển đổi số của các đơn vị trực thuộc Bộ.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các nhiệm vụ, dự án thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025 tại Phụ lục kèm theo./.

Phụ lục

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày /7/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
A	XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH SỐ			
1.	Xây dựng, ban hành Bộ chỉ số và đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (DTI) các đơn vị trực thuộc Bộ.	2025	Cục Chuyển đổi số (Cục CDS)	Các đơn vị trực thuộc Bộ
2.	Xây dựng, ban hành Kiến trúc Chính phủ số của Bộ/Ngành Nông nghiệp và Môi trường (Phiên bản 4.0).	7/2025		Các đơn vị trực thuộc Bộ
3.	Xây dựng, ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung; Danh mục dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của Bộ.	2025		Các đơn vị trực thuộc Bộ
4.	Xây dựng chương trình, kế hoạch của Bộ triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; các Chiến lược quốc gia, Kế hoạch hành động của Chính phủ về: ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số; phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; dữ liệu...	2025-2026	Vụ Khoa học và Công nghệ (Vụ KHCN); Cục CDS.	Các đơn vị trực thuộc Bộ
5.	Hoàn thiện ban hành quy định kỹ thuật về kiến trúc, nội dung, cấu trúc dữ liệu khí tượng thủy văn.	2025-2026	Cục Khí tượng Thủy văn	Cục CDS
6.	Hoàn thiện ban hành quy định kỹ thuật về nội dung, cấu trúc, mô hình CSDL tài nguyên nước.	2025-2026	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Cục CDS
7.	Hoàn thiện ban hành quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung cơ sở dữ liệu lĩnh vực địa chất, khoáng sản.	2025-2026	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Cục CDS
8.	Hoàn thiện ban hành quy định kỹ thuật về nội dung, cấu trúc, mô hình CSDL biển và hải đảo.	2025-2026	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Cục CDS
9.	Hoàn thiện ban hành quy định kỹ thuật về nội dung, cấu trúc, mô hình CSDL viễn thám.	2025-2026	Cục Viễn thám quốc gia	Cục CDS
10.	Hoàn thiện ban hành quy định kỹ thuật về nội dung, cấu trúc, mô hình CSDL biến đổi khí hậu.	2025-2026	Cục Biến đổi khí hậu	Cục CDS

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
11.	Hoàn thiện ban hành Quy định về bảo mật, an toàn thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường.	6/2025	Cục CDS	Các đơn vị trực thuộc Bộ
B	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN			
1.	Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1).	2022-2025	Cục Chuyển đổi số	Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ
2.	Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I).	2023-2026		
3.	Hợp nhất hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	2025 - 2026		
4.	Hoàn thiện Hệ thống báo cáo, thống kê ngành nông nghiệp và môi trường, tích hợp với cơ sở dữ liệu báo cáo, thống kê quốc gia.	2025 - 2026		
5.	Điều chỉnh, hợp nhất hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức với ngành nông nghiệp và môi trường.	2025 - 2026		
6.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	2025 - 2026		
7.	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu nhà đất do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.	2025 - 2026		
8.	Nâng cấp, mở rộng hệ thống quản lý khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2026		
9.	Điều chỉnh, hợp nhất hệ thống thông tin kế hoạch và tài chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	2025 - 2026		
10.	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	2025 - 2026		
11.	Xây dựng Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động KTTV của bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	2023-2025	Cục Khí tượng Thủy văn	
12.	Xây dựng hệ thống hỗ trợ dự báo dựa trên tác động, cảnh báo dựa trên rủi ro do thiên tai KTTV trên khu vực đồng bằng Bắc Bộ.	2024-2025		
13.	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, bão lũ để kịp thời triển khai các giải pháp phòng, chống, ứng phó phù hợp.	2025-2030		
14.	Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện phương thức ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai kết nối với Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.	2025-2030		
15.	Dự án Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.	2024-2025	Cục Quản lý đất đai	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
16.	Xây dựng hệ thống khai thác thông tin, tài liệu từ hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.	2025	Cục Môi trường	
17.	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chỉ số thửa đất, tài sản gắn liền với đất.	2025-2026		
18.	Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng số liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục phục vụ công tác quản lý nhà nước và công bố thông tin về chất lượng môi trường	2023-2025		
19.	Điều tra, khảo sát đánh giá tình hình phát sinh, phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải nhựa; xây dựng hệ thống thông tin, CSDL quản lý chất thải nhựa; đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy định về quản lý chất thải nhựa.	2025-2026		
20.	Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam.	2025-2026		
21.	Xây dựng hệ thống thông tin giám sát và dự báo chất lượng nước tích hợp phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và kiểm soát CLMT nước lưu vực sông, thử nghiệm cho Lưu vực sông Cầu.	2025-2027		
22.	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về kiểm soát ô nhiễm môi trường.	2025-2027	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	
23.	Xây dựng và vận hành Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia đáp ứng Chính phủ điện tử ngành (giai đoạn 2).	2024-2025		
24.	Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính.	2012-2025		
25.	Bổ sung, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý các tỷ lệ khu vực các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ (từ Thừa Thiên Huế trở ra).	2019-2025	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	
26.	Xây dựng bộ bản đồ chuẩn và cơ sở dữ liệu bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam – Lào.	2018 - 2025		
27.	Cập nhật dữ liệu và hoàn thiện các phần mềm thuộc hệ thống kỹ thuật phục vụ công tác giao khu vực biển; thống kê, kiểm kê, xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu về giao, sử dụng khu vực biển trên phạm vi cả nước.	2024-2025	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	
28.	Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường không khí xuyên biên giới.	2024-2026	Cục Viễn thám quốc gia	
29.	Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số để hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân bổ nguồn nước trên các lưu vực sông lớn của Việt Nam	2026-2029	Cục Quản lý Tài nguyên nước	
30.	Đầu tư nâng cấp hệ thống theo dõi, giám sát việc phối hợp vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa lớn, quan trọng trên 11 lưu vực sông theo thời gian thực.	2025-2028		

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
31.	Tăng cường năng lực thiết bị công nghệ phục vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (vận tải, địa vật lý, phân tích thí nghiệm, trắc địa-viên thám, địa chất khoáng sản biển, khoan, công nghệ thông tin).		Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
32.	Nghiên cứu triển khai xây dựng CSDL quốc gia về trồng trọt: CSDL giống cây trồng được lưu hành, giống cây trồng được bảo hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ sở dữ liệu sức khỏe đất trồng trọt.	2025	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
33.	Thí điểm mô hình/công cụ số phục vụ cho công tác xây dựng bản tin thời tiết nông vụ	2025		
34.	Xây dựng, triển khai các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ phục vụ quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	2025		
35.	Điều chỉnh, nâng cấp, chuẩn hoá cơ sở dữ liệu: Phần mềm nhận diện sinh vật gây hại cây trồng; app tra cứu thuốc BVTV; xây dựng cơ sở dữ liệu tra cứu về phân bón; phần mềm cơ sở dữ liệu về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói.	2025		
36.	Xây dựng mới CSDL: Về tình hình sinh vật gây hại cây trồng hàng tuần, tháng, vụ, năm và dự tính dự báo thời gian tới; xây dựng mới cơ sở dữ liệu về kiểm dịch thực vật (KDTV) xuất khẩu, nhập khẩu; Phát triển hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ suy thoái đất; Xây dựng nền tảng số theo dõi phát thải trong canh tác nông nghiệp.	2025		
37.	Theo dõi, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin rừng và vùng sản xuất đáp ứng các yêu cầu EUDR đối với ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ	2025		
38.	Xây dựng, triển khai các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ phục vụ quản lý Chăn nuôi	2025	Cục Chăn nuôi và Thú y	
39.	Tiếp tục triển khai Hệ thống cơ sở dữ liệu về thức ăn chăn nuôi, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về cơ sở chăn nuôi	2025		
40.	Xây dựng, triển khai các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ phục vụ quản lý Thú y	2025		
41.	Triển khai phát triển và hoàn thiện dữ liệu lớn về thú y, giám sát, cảnh báo dịch bệnh động vật	2025		
42.	Triển khai CSDL quản lý, giám sát ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	2025	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
43.	Triển khai phần mềm số hóa và dự báo diện tích trồng và tái trồng cây chứa chất ma túy trên nền bản đồ số (GIS)	2025		
44.	Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số về cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản	2025		
45.	Xây dựng, tạo lập, tổ chức triển khai hệ thống phần mềm CSDL phục vụ cung cấp thông tin trong quản lý bố trí dân cư.	2025-2026		

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
46.	Xây dựng hệ thống thông tin, CSDL quản lý chất lượng, ATTP, chế biến và phát triển thị trường.	2025-2026	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Cục CDS; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.
47.	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chế biến, kinh doanh, quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	2025		
48.	Nghiên cứu, nâng cấp Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý ATTP thủy sản xuất khẩu.	2025		Các cơ quan, đơn vị liên quan.
49.	Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống thông tin thủy lợi (http://thuyloivietnam.gov.vn), bao gồm dữ liệu cơ bản ngành thủy lợi; quản lý khai thác công trình thủy lợi; an toàn đập, hồ chứa nước; nước sạch nông thôn.	2025	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi	
50.	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công	2025		
51.	Phát triển dữ liệu phục vụ quản lý Lâm nghiệp: Xây dựng 03 loại CSDL (trong danh mục CSDL ngành lâm nghiệp), tích hợp vào Hệ thống thông tin ngành lâm nghiệp	2025	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	
52.	Xây dựng, triển khai các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ phục vụ quản lý Lâm nghiệp: Ứng dụng công nghệ thông tin thí điểm cấp và quản lý mã số vùng trồng rừng nguyên liệu	2025-2026		
53.	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu rừng và tài nguyên rừng; quản lý rừng; thiết lập hệ thống quan trắc cảnh báo phòng chống cháy rừng	2025		
54.	Xây dựng, triển khai các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ phục vụ quản lý Kiểm lâm	2025		
55.	Hiệu chỉnh nâng cấp phần mềm và cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng (phù hợp với Thông tư 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023; Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018)	2025		
56.	Duy trì hoạt động, phát triển phần mềm cơ sở dữ liệu theo dõi Diễn biến rừng; Nâng cấp phần mềm và cơ sở dữ liệu: Phần mềm cảnh báo nguy cơ cháy rừng và phát hiện sớm điểm cháy; Phần mềm cảnh báo nguy cơ biến động rừng; Cơ sở dữ liệu về vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp; Trang thông tin điện tử Cục Kiểm lâm.	2025		
57.	Xây dựng, triển khai các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ phục vụ quản lý Thủy sản	2024-2026	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	
58.	Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm đăng ký cơ sở nuôi trồng thủy sản (thí điểm cho đối tượng nuôi trồng thủy sản cá Tra)	2024-2026		
59.	Xây dựng Cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý tàu cá tại cảng	2024-2026		

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
60.	Hoàn thiện hệ thống giám sát tàu cá; tiếp tục triển khai “Kế hoạch Thuê dịch vụ công nghệ thông tin hạ tầng giám sát tàu cá (giai đoạn 2025 - 2030)”	2025-2030		
61.	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu nghề cá Quốc gia mới. Nâng cấp, mở rộng hạ tầng thiết bị công nghệ thông tin và các ứng dụng, phần mềm để đồng bộ với Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia mới	2024-2026		
62.	Xây dựng phần mềm triển khai thủ tục hành chính cấp trung ương Kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ nhập khẩu vào Việt Nam và triển khai thực hiện nhiệm vụ.	2025		
63.	Xây dựng hiệu chỉnh, nâng cấp phần mềm Khai báo trước khi cập cảng đối với tàu vận chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác để nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam và triển khai thực hiện nhiệm vụ.	2025		
64.	Triển khai thực hiện nhiệm vụ Kiện toàn, thiết lập bộ phận điều hành, chỉ huy thực thi pháp luật thủy sản, phòng chống khai thác IUU của Bộ phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ.	2025		
65.	Xây dựng, cập nhật phần mềm cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông (cơ sở dữ liệu phần mềm Quản lý hoạt động khuyến nông; nâng cấp tính năng, cập nhật ứng dụng Khuyến nông Xanh...)	2025	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	
66.	Nâng cấp tính năng, giải pháp cho phần mềm quản lý hoạt động khuyến nông (nâng cấp tính năng giải pháp, phân tích dữ liệu tối ưu quy trình hoạt động; quản lý hoạt động Khuyến nông Cộng đồng...)	2025		
67.	Triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025; triển khai xây dựng các mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử	2025	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới trung ương	
68.	Tiếp tục áp dụng áp dụng phần mềm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia	2025		
69.	Hoàn thiện Hệ thống CSDL về ngành nông nghiệp nội bộ tại địa chỉ http://nvtx.ipsard.gov.vn	2025	Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	
70.	Hoàn thiện Hệ thống CSDL về ngành nông nghiệp nội bộ tại địa chỉ http://nvtx.ispae.vn			
71.	Xây dựng Hệ thống dữ liệu thị trường theo các ngành hàng chủ lực (gạo, cà phê, rau quả): https://thitruongnongsan.gov.vn	2025		

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
72.	Rà soát thông tin, chuẩn hóa dữ liệu điều tra cơ bản tài nguyên nước lưu vực sông Hồng - Thái Bình.	2025-2027	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	
73.	Xây dựng công cụ đánh giá, dự báo và cung cấp thông tin chất lượng môi trường nước sử dụng công nghệ GIS và trí tuệ nhân tạo, áp dụng cho lưu vực sông Hương.	2023-2024	Viện khoa học tài nguyên nước	
74.	Nâng cấp cổng thông tin điện tử www.spsvietnam.gov.vn.	2025	Văn phòng SPS Việt Nam	
C	NHIỆM VỤ DUY TRÌ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HỆ THỐNG THÔNG TIN, CSDL			
1.	Duy trì vận hành các hệ thống thông tin (Cổng thông tin điện tử TNMT, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống quản lý CBCCVC...).	Thường xuyên	Cục CDS	
2.	Nhiệm vụ đặc thù về quản trị, vận hành và duy trì hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ.	Thường xuyên		
3.	Ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng tại Bộ.	Thường xuyên		
4.	Duy trì hoạt động thường xuyên cho Trung tâm dữ liệu Đồng bằng sông Cửu Long.	Thường xuyên		
5.	Duy trì Data center, thiết bị tính toán hiệu năng cao và các thiết bị khác phục vụ cho công tác dự báo.	Thường xuyên	Cục Khí tượng Thủy văn	
6.	Duy trì hoạt động hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lũ quét lưu vực Nậm Pàn, Nậm La.	Thường xuyên		
7.	Duy trì đường truyền, nhận thông tin, đảm bảo hoạt động hệ thống thông tin chuyên ngành KTTV phục vụ công tác dự báo.	Thường xuyên		
8.	Duy trì hoạt động, quản lý Cổng thông tin điện tử Cục KTTV và biên tập, xuất bản Tạp chí KTTV.	Thường xuyên		
9.	Thuê dịch vụ duy trì hoạt động hệ thống cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin của Cục KTTV.	Thường xuyên		
10.	Quản lý hệ thống mạng và cập nhật thông tin trang Web.	Thường xuyên	Cục Quản lý đất đai	
11.	Thuê bao đường truyền Internet.	Thường xuyên		
12.	Cập nhật dữ liệu thông tin trên trang Web.	Thường xuyên	Cục Quản lý đất đai	
13.	Duy trì hoạt động và quản lý trang thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, bản tin tài nguyên nước.	Thường xuyên	Cục Quản lý Tài nguyên nước	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
14.	Quản lý, vận hành hệ thống trạm quan trắc, giám sát nguồn nước xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc	Thường xuyên		
15.	Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử và mạng thông tin nội bộ.	Thường xuyên	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	
16.	Giám sát, cập nhật, xử lý thông tin, dữ liệu tai biến địa chất và đánh giá các tình huống khẩn cấp.	Thường xuyên	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
17.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều tra địa chất và khoáng sản.	Thường xuyên		
18.	Duy trì hoạt động thường xuyên đảm bảo kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến biên giới quốc gia và địa giới hành chính.	Thường xuyên	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	
19.	Duy trì, quan trắc thường xuyên mạng lưới địa động lực trên lãnh thổ Việt Nam.	Thường xuyên	Viện Khoa học Đo đạc bản đồ	
20.	Duy trì hoạt động và vận hành, khai thác dữ liệu của Cơ sở dữ liệu biển quốc gia về các kết quả điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường các vùng biển Việt Nam.	Thường xuyên	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	
21.	Duy trì hoạt động và vận hành Trang thông tin điện tử của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.	Thường xuyên		
22.	Vận hành, duy trì hệ thống và cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.	Thường xuyên	Cục Viễn thám quốc gia	
23.	Vận hành Hệ thống thông tin Theo dõi và Báo cáo sản xuất lúa (RiceMoRe).	Thường xuyên	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	
24.	Tiếp tục cập nhật dữ liệu và duy trì hoạt động của máy chủ quản lý Hệ thống Giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) và các phần mềm/cơ sở dữ liệu khác phục vụ công tác quản lý đề điều, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai.	Thường xuyên	Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai.	
25.	Đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu từ Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Thường xuyên		
26.	Cập nhật và duy trì Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Lâm nghiệp.	Thường xuyên	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
27.	Quản trị, vận hành CSDL quốc gia về thủy sản và các phần mềm, CSDL chuyên ngành về thủy sản.	Thường xuyên	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	
28.	Tiếp tục duy trì CSDL Điều tra đa dạng sinh học, nguồn lợi, hải dương học và nghề cá biển.	Thường xuyên		
29.	Duy trì vận hành các nền tảng số, CSDL, ứng dụng chuyên môn (TRACESNT trong thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản xuất khẩu vào EU; Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN,...).	Thường xuyên	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	
30.	Vận hành Trang tin điện tử kết nối OCOP (địa chỉ https://ketnoiocop.vn).	Thường xuyên	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới trung ương	
31.	Vận hành và nâng cấp Trang tin điện tử của Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường (địa chỉ https://ispae.vn).	Thường xuyên	Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	